

*

Số 130 -HD/BTGHU

HƯỚNG DẪN
Công tác tuyên truyền tháng 8 năm 2020

Thực hiện Hướng dẫn số 174-HD/BTGTU, ngày 29/7/2020 của Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy về Công tác tuyên truyền tháng 8 năm 2020; Ban Tuyên giáo Huyện ủy hướng dẫn triển khai thực hiện như sau:

1. Tuyên truyền và tổ chức các hoạt động văn hóa nhân sự kiện các ngày lễ, kỷ niệm lớn của đất nước, địa phương trong tháng: 90 năm Ngày truyền thống ngành tuyên giáo của Đảng (01/8/1930 – 01/8/2020); 75 năm Cách mạng tháng Tám (19/8/1945 – 19/8/2020); 75 năm Ngày thành lập Công an Nhân dân (19/8/1945 – 19/8/2020) và 15 năm Ngày hội toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc (19/8/2005 – 19/8/2020); 75 năm Ngày truyền thống Ngành Văn hóa (28/8/1945 – 28/8/2020) và các ngày lễ, sự kiện chính trị quan trọng diễn ra trong tháng.

- Tuyên truyền kỷ niệm 90 năm Ngày truyền thống ngành Tuyên giáo của Đảng (01/8/1930 – 01/8/2020): Tuyên truyền, phát huy truyền thống vẻ vang và những đóng góp to lớn của ngành Tuyên giáo đối với sự nghiệp cách mạng của Đảng và dân tộc ta trong suốt 90 năm qua; tri ân công lao, đóng góp của các cấp, các ngành và các thế hệ cán bộ tuyên giáo đối với công tác tuyên giáo của Đảng.

2. Tuyên truyền kết quả phát triển kinh tế - xã hội tháng 7 năm 2020, các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng – an ninh, xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị tháng 8 năm 2020.

3. Tiếp tục tuyên truyền kết quả 04 năm thực hiện Chỉ thị 05-CT/TW của Bộ Chính trị về "Đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức phong cách Hồ Chí Minh"; Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XII) gắn với chuyên đề năm 2020 về "Tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc, xây dựng Đảng và hệ thống chính trị trong sạch vững mạnh"; các điển hình tiêu biểu, mô hình hay, cách làm hiệu quả trong học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh.

4. Tiếp tục tuyên truyền kết quả kỳ họp thứ 9 Quốc hội khóa XIV.

5. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền trực quan nhằm tạo không khí phấn khởi, sôi nổi thi đua chào mừng Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Đam Rông nhiệm kỳ 2020 – 2025, Đại hội Đảng bộ tỉnh Lâm Đồng lần thứ XI và Đại hội toàn quốc lần thứ XIII của Đảng trong cán bộ, đảng viên và Nhân dân.

6. Tăng cường tuyên truyền, quảng bá Chương trình “Đà Lạt – Lâm Đồng, điểm đến an toàn”.

7. Đẩy mạnh tuyên truyền sâu rộng trong cán bộ, đoàn viên, hội viên và các tầng lớp nhân dân các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về đại đoàn kết toàn dân tộc, về vai trò, vị trí, nhiệm vụ của Mặt Trận Tổ quốc Việt Nam trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay; đồng thời, khơi dậy, phát huy tinh thần đại đoàn kết toàn dân tộc, giáo dục tinh thần cách mạng cho thế hệ hôm nay và mai sau; bồi dưỡng, nâng cao niềm tin và lòng tự hào cho cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân về truyền thống, lịch sử vẻ vang của Mặt Trận Dân tộc thống nhất Việt Nam (18/11/1930 – 18/11/2020).

8. Tuyên truyền công tác chuẩn bị các điều kiện để tổ chức kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông, tuyển sinh Đại học, Cao đẳng năm 2020.

9. Đẩy mạnh tuyên truyền các giải pháp của chính phủ, các bộ, ngành, địa phương trong việc chủ động, đồng bộ, quyết liệt, phòng chống, ứng phó với diễn biến dịch Covid, đảm bảo an toàn, đời sống nhân dân.

- Tăng cường thời lượng, tần suất phát sóng, tập trung vào công tác phòng, chống dịch, tuyên truyền về tình hình dịch bệnh để người dân không hoang mang, lo lắng, chủ động phòng chống dịch hiệu quả.

- Tuyên truyền cảnh báo người dân không phát tán, lan truyền thông tin sai lệch về dịch bệnh Covid - 19 trên mạng xã hội

10. Đẩy mạnh tuyên truyền biển, đảo, nhất là chủ quyền của Việt Nam tại hai quần đảo Hoàng sa và Trường Sa; công tác biên giới trên đất liền Việt Nam – Trung Quốc, Việt Nam – Lào, Việt Nam – Campuchia; công tác thông tin đối ngoại năm 2020.

11. Tiếp tục tuyên truyền kết quả công tác phòng, chống tham nhũng; nêu bật, khẳng định những kết quả, tác động tích cực của công tác phòng, chống tham nhũng thời gian qua đối với công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”, góp phần tăng cường niềm tin của nhân dân đối với sự lãnh đạo của Đảng, Nhà nước; nhấn mạnh sự ủng hộ, đồng tình của người dân cả nước với quyết tâm phòng, chống tham nhũng của Đảng, Nhà nước; nêu bật các vấn đề cần quan tâm để công tác phòng, chống tham nhũng đạt kết quả tích cực hơn trong thời gian tới.

12. Tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền phòng, chống thiên tai, dịch bệnh trong những tháng mùa mưa.

13. Tuyên truyền về Giải thưởng khoa học và công nghệ tỉnh Lâm Đồng lần thứ 2 năm 2021: Giải thưởng nhằm tôn vinh các tổ chức, cá nhân đã có những công trình, cụm công trình khoa học và công nghệ xuất sắc, có giá trị cao về khoa học và

công nghệ; áp dụng vào sản xuất đời sống, góp phần phục vụ phát triển kinh tế, văn hóa – xã hội, quốc phòng, an ninh của tỉnh.

14. Tuyên truyền Kết luận số 76-KL/TW, ngày 04/6/2020 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 33-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước (gửi kèm Kết luận số 76-KL/TW).

15. Tuyên truyền sâu rộng nội dung Kế hoạch số 134-KH/TU, ngày 28/7/2020 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về “Triển khai thực hiện Nghị quyết số 55-NQ/TW, ngày 11/02/2020 của Bộ Chính trị về định hướng Chiến lược phát triển năng lượng quốc gia của Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045” nhằm nâng cao nhận thức, ý thức trách nhiệm của cả hệ thống chính trị và Nhân dân đối với chính sách phát triển năng lượng (gửi kèm Kế hoạch số 134-KH/TU).

Trên đây là hướng dẫn tuyên truyền tháng 8 năm 2020, đề nghị các tổ chức cơ sở đảng, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể huyện, các cơ quan, đơn vị liên quan triển khai thực hiện.

Nơi nhận:

- Thường trực Huyện ủy,
- Mặt trận và các đoàn thể CT - XH huyện,
- Phòng Văn hoá - Thông tin huyện,
- Trung tâm Văn hóa TT&TT huyện,
- Các tổ chức cơ sở đảng,
- Lưu Văn phòng Huyện ủy.

K/T TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN



Trần Phước Mênh

VĂN PHÒNG TỈNH ỦY LÂM ĐỒNG	
Số.....	5001.....
ĐẾN	Ngày 10-06-2020
Chuyển.....	
Ưu hồ sơ số.....	

KẾT LUẬN**CỦA BỘ CHÍNH TRỊ**

**về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 33-NQ/TW
của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XI
về xây dựng và phát triển văn hoá, con người Việt Nam
đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước**

Sau khi nghe Ban Tuyên giáo Trung ương báo cáo sơ kết 5 năm thực hiện Nghị quyết số 33-NQ/TW, ngày 09/6/2014 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XI về xây dựng và phát triển văn hoá, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước (sau đây gọi tắt là Nghị quyết số 33-NQ/TW) và ý kiến của các cơ quan liên quan, Bộ Chính trị đã thảo luận và kết luận như sau:

1. Năm năm qua, cấp uỷ, tổ chức đảng, chính quyền, đoàn thể các cấp đã nghiêm túc triển khai thực hiện Nghị quyết và đã đạt kết quả bước đầu. Nhận thức, ý thức trách nhiệm của cả hệ thống chính trị và các tầng lớp nhân dân đối với sự nghiệp xây dựng và phát triển văn hoá, con người Việt Nam có chuyển biến tích cực. Trong kế hoạch, chiến lược phát triển của Trung ương, địa phương đều đặt nhiệm vụ xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện ở vị trí trung tâm. Phát triển văn hoá ngày càng gắn bó hơn với xây dựng con người Việt Nam, từng bước trở thành một trong những nguồn lực quan trọng của sự nghiệp phát triển bền vững và hội nhập kinh tế quốc tế. Vai trò của văn học, nghệ thuật trong việc nuôi dưỡng tâm hồn, tình cảm của con người được coi trọng phát huy hơn. Tầm vóc, thể lực con người Việt Nam có bước cải thiện. Chất lượng, hiệu quả hoạt động văn hoá từng bước được nâng cao; xây dựng môi trường văn hoá đã được chú trọng, nhiều giá trị văn hoá truyền thống tốt đẹp của dân tộc và của từng vùng, miền được kế thừa. Nhiều di sản văn hoá được bảo tồn, phát huy. Đời sống văn hoá của nhân dân không ngừng được cải thiện. Một số chính sách, pháp luật tạo cơ sở pháp lý cho công tác xây dựng và phát triển văn hoá, con người được ban hành. Hệ thống thiết chế văn hoá được đầu tư và từng bước chuyển đổi cơ chế, đổi mới về phương thức hoạt động. Thị trường văn hoá bước đầu được hình thành. Hội nhập quốc tế về văn hoá, tiếp thu tinh hoa văn hoá nhân loại ngày càng chủ động hơn.

Tuy nhiên, quá trình triển khai thực hiện Nghị quyết số 33-NQ/TW vẫn còn nhiều hạn chế, yếu kém. Việc xây dựng hệ giá trị văn hoá và hệ giá trị chuẩn mực của con người Việt Nam thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá và hội nhập quốc tế chưa đạt được mục tiêu đề ra. Đạo đức, lối sống có mặt xuống cấp đáng lo ngại. Môi trường văn hoá có những mặt chưa thực sự lành mạnh. Việc bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hoá đạt hiệu quả chưa cao. Tiếng nói, chữ viết, phong tục, tập quán, văn hoá đặc trưng của một số dân tộc thiểu số có nguy cơ mai một dần. Còn ít những tác phẩm văn học, nghệ thuật có giá trị cao về tư tưởng và nghệ thuật. Hoạt động lý luận, phê bình văn học, nghệ thuật chưa thực hiện tốt chức năng hướng dẫn, điều chỉnh và đồng hành với thực tiễn sáng tác. Một số chủ trương, quan điểm nêu trong Nghị quyết chậm được thể chế; chưa có những chiến lược, giải pháp đồng bộ để phát triển và nâng cao năng lực hội nhập quốc tế về văn hoá. Chưa giải quyết hài hoà mối quan hệ giữa bảo tồn và phát triển trong quản lý văn hoá. Hệ thống thiết chế văn hoá chậm chuyển đổi sang phương thức tự chủ, xã hội hoá. Việc chỉ đạo phát triển công nghiệp văn hoá còn chậm. Các đặc trưng cơ bản của nền văn hoá là "dân tộc, nhân văn, dân chủ và khoa học" cùng quan điểm xây dựng con người có nhân cách, lối sống tốt đẹp chưa được quán triệt thường xuyên; có dấu hiệu bị buông lỏng trong cả ba môi trường: Gia đình, nhà trường và xã hội.

Tình hình trên có nhiều nguyên nhân, nhưng nguyên nhân chủ quan là chủ yếu. Một số cấp uỷ, chính quyền, đoàn thể, các tổ chức xã hội và một bộ phận nhân dân nhận thức chưa đầy đủ, sâu sắc về vị trí, vai trò quan trọng của việc xây dựng và phát triển văn hoá, con người đối với phát triển bền vững đất nước. Vị trí, vai trò của văn hoá chưa thực sự được đặt ngang hàng với kinh tế, chính trị, xã hội. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý chưa thực sự đổi mới, nhất là trong việc xây dựng, đào tạo, bố trí đội ngũ cán bộ làm công tác văn hoá. Việc thực hiện nêu gương của cán bộ, đảng viên ở một số cơ quan, đơn vị, địa phương còn hình thức, chưa tạo được sự chuyển biến tích cực, mạnh mẽ. Hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về văn hoá có mặt còn bất cập, chưa theo kịp yêu cầu của thực tiễn. Chưa phát huy mạnh mẽ sức mạnh tổng hợp, sự gắn kết chặt chẽ, đồng bộ của các chủ thể văn hoá, khích lệ, động viên tính tích cực xã hội của nhân dân, nhất là đội ngũ văn nghệ sĩ, trí thức trong tổ chức thực hiện Nghị quyết. Công tác nghiên cứu, tổng kết thực tiễn để hình thành cơ sở lý luận, đúc kết hệ giá trị văn hoá, con người Việt Nam còn chậm, lúng túng, bị động.

2. Để tiếp tục thực hiện tốt Nghị quyết số 33-NQ/TW, Bộ Chính trị yêu cầu các cấp uỷ, tổ chức đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và đoàn thể các cấp quyết tâm thực hiện có hiệu quả, tạo chuyển biến sâu sắc, toàn diện các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp đã nêu trong Nghị quyết. Đồng thời, quan tâm những nội dung sau:

2.1. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, đẩy mạnh công tác tuyên truyền, quán triệt, nâng cao nhận thức cho cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân về vị trí, vai trò của văn hoá trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Xác định rõ xây dựng và phát triển văn hoá, con người là nhiệm vụ quan trọng, thường xuyên của cả hệ thống chính trị. Văn hoá là hồn cốt của dân tộc, là nền tảng tinh thần vững chắc của xã hội, là sức mạnh nội sinh quan trọng bảo đảm sự phát triển bền vững và bảo vệ vững chắc Tổ quốc, vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh. Chú trọng tính đặc thù của văn hoá, vừa bảo đảm để văn hoá, văn học, nghệ thuật phát triển đúng định hướng chính trị, tư tưởng của Đảng, vừa bảo đảm tự do sáng tạo của cá nhân trên cơ sở phát huy tính tự giác cao với mục đích đúng đắn. Khắc phục tình trạng buông lỏng sự lãnh đạo hoặc mất dân chủ, hạn chế tự do sáng tạo. Định kỳ kiểm tra, giám sát việc thể chế hoá chủ trương của Đảng đối với cơ quan quản lý nhà nước về văn hoá.

2.2. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của Nhà nước về xây dựng và phát triển văn hoá, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước. Đẩy nhanh việc cụ thể hoá chủ trương, quan điểm của Đảng thành chương trình, đề án cụ thể, sát thực tiễn. rà soát, hoàn thiện các văn bản pháp luật, quản lý hiện hành có liên quan; sửa đổi, bổ sung những nội dung không còn phù hợp. Tích cực đổi mới phương thức lãnh đạo và quản lý đối với sự nghiệp phát triển văn hoá, xác định rõ những chiến lược và giải pháp lãnh đạo, quản lý phù hợp với từng đối tượng, lĩnh vực và địa bàn cụ thể. Tăng cường các nguồn lực cho phát triển văn hoá, tương xứng với tăng trưởng kinh tế. Ưu tiên đầu tư một số cơ sở đào tạo trọng điểm, chất lượng cao và một số ngành công nghiệp văn hoá chủ đạo, có khả năng dẫn dắt các hoạt động văn hoá. Coi trọng hơn nữa công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý, những người làm công tác văn hoá, nghệ thuật.

2.3. Tập trung xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện. Khẩn trương hoàn thiện việc xây dựng hệ giá trị văn hoá và chuẩn mực con người Việt Nam thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá và hội nhập quốc tế. Hướng các hoạt động văn hoá, giáo dục, khoa học vào việc xây dựng con người Việt Nam có thể giới quan khoa học, có nhân cách, lối sống đẹp với các đặc tính cơ bản "yêu nước, nhân ái, nghĩa tình, trung thực, đoàn kết, cần cù, sáng tạo". Tăng cường giáo dục thẩm mỹ, gắn giáo dục thể chất với giáo dục tri thức, đạo đức, kỹ năng xã hội cho các tầng lớp nhân dân, đặc biệt là thanh niên, thiếu niên. Xây dựng lối sống tuân thủ pháp luật, tôn trọng đạo lý "uống nước nhớ nguồn", "đền ơn đáp nghĩa", "tương thân tương ái". Khẳng định, tôn vinh, nhân rộng các giá trị tốt đẹp, nhân văn. Chấn chỉnh kịp thời việc lợi dụng hoạt động tín

ngưỡng, tôn giáo để truyền bá tư tưởng duy tâm thần bí, thực hành mê tín dị đoan, gây mất an ninh trật tự. Đấu tranh loại trừ các sản phẩm văn hoá độc hại, các hành vi tiêu cực, cơ hội, vi phạm pháp luật, truyền bá tư tưởng sai trái, lối sống thực dụng, trái thuần phong mỹ tục của dân tộc, ảnh hưởng xấu đến xây dựng và phát triển văn hoá, con người Việt Nam.

2.4. Đẩy mạnh xây dựng môi trường và đời sống văn hoá lành mạnh, gắn với phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá", "xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh". Có cơ chế phối hợp chặt chẽ hơn giữa gia đình, nhà trường và xã hội. Đề cao vai trò, trách nhiệm và các giá trị văn hoá tốt đẹp của gia đình trong việc nuôi dưỡng, giáo dục và bảo vệ thanh thiếu nhi, cùng với nhà trường giáo dục, hình thành nhân cách, đạo đức trong sáng và kỹ năng ứng xử xã hội văn minh. Xây dựng ý thức bảo vệ môi trường, gìn giữ, ứng xử đúng đắn với môi trường vì mục tiêu phát triển bền vững đất nước. Thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở; xây dựng nếp sống văn hoá tiến bộ, văn minh. Huy động nguồn lực của mọi tầng lớp xã hội đầu tư và tổ chức đời sống văn hoá, góp phần thu hẹp khoảng cách hưởng thụ văn hoá giữa các vùng, miền, các tầng lớp trong xã hội.

2.5. Tăng cường xây dựng văn hoá trong chính trị và kinh tế. Tiếp tục chỉ đạo, tổ chức thực hiện có hiệu quả công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng, bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng. Coi trọng xây dựng văn hoá từ trong Đảng, trong bộ máy nhà nước. Đẩy mạnh việc "học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh"; thực hiện nghiêm các quy định về nêu gương đối với cán bộ, đảng viên, nhất là với cán bộ lãnh đạo, người đứng đầu các tổ chức trong hệ thống chính trị, đội ngũ những người làm công tác giáo dục, văn nghệ sĩ và cán bộ lãnh đạo, quản lý văn hoá, lãnh đạo doanh nghiệp và những người có tầm ảnh hưởng quan trọng trong cộng đồng và xã hội. Chủ động phát hiện, đấu tranh, ngăn chặn, xử lý nghiêm các biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, "tự diễn biến", "tự chuyển hoá", hành vi tham nhũng, lãng phí, tiêu cực trong hệ thống chính trị và xã hội. Chú trọng yếu tố văn hoá và con người trong phát triển kinh tế. Đẩy mạnh việc triển khai xây dựng văn hoá doanh nghiệp, tinh thần khởi nghiệp, xây dựng đội ngũ doanh nhân giỏi, kinh doanh đúng pháp luật, đóng góp có trách nhiệm cho cộng đồng và xã hội.

2.6. Tiếp tục nâng cao chất lượng, hiệu quả các hoạt động văn hoá. Xử lý hài hoà giữa bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hoá các dân tộc với các hoạt động phát triển kinh tế, du lịch bền vững ở các địa phương, góp phần quảng bá hình ảnh đất nước và con người Việt Nam. Chú trọng thực hiện các chương trình phục hồi, bảo tồn một số loại hình nghệ thuật truyền thống có nguy cơ mai

một; giữ gìn và phát huy di sản văn hoá các dân tộc thiểu số, các giá trị văn hoá trong tôn giáo, tín ngưỡng. Tạo điều kiện, khuyến khích sự tìm tòi, sáng tạo của đội ngũ văn nghệ sĩ để có nhiều tác phẩm có giá trị tư tưởng và nghệ thuật. Đổi mới phương thức hoạt động của các hội văn học, nghệ thuật, nâng cao tính chuyên nghiệp; đồng thời phát triển sâu rộng văn học, nghệ thuật quần chúng. Đầu tư nhiều hơn cho hoạt động nghiên cứu lý luận, phê bình văn học, nghệ thuật, từng bước hoàn thiện hệ thống lý luận văn học, nghệ thuật Việt Nam. Tập trung thực hiện quy hoạch và quản lý báo chí toàn quốc. Phát huy vai trò của báo chí, nâng cao hiệu quả hoạt động của các phương tiện thông tin đại chúng, đặc biệt trên môi trường mạng Internet.

2.7. Tăng cường bảo hộ quyền tác giả, phát triển công nghiệp văn hoá đi đôi với xây dựng, hoàn thiện thị trường văn hoá. Tạo nhận thức sâu sắc của toàn xã hội về vị trí, vai trò của các ngành công nghiệp văn hoá. Phát huy mặt tích cực của cơ chế thị trường; tăng cường và đa dạng hoá các nguồn lực đầu tư để phát triển công nghiệp văn hoá. Có giải pháp đồng bộ, tổ chức thực hiện có hiệu quả Chiến lược phát triển các ngành công nghiệp văn hoá Việt Nam. Rà soát, sửa đổi, bổ sung, xây dựng mới văn bản quy phạm pháp luật, các cơ chế, chính sách khuyến khích hoạt động sáng tạo, thu hút đầu tư cơ sở vật chất, kỹ thuật, công nghệ tiên tiến, tạo thuận lợi để xây dựng, phát triển thị trường văn hoá và các ngành công nghiệp văn hoá. Nâng cao hiệu quả việc thực thi quyền sở hữu trí tuệ và các quyền liên quan, thúc đẩy cạnh tranh lành mạnh trên thị trường.

2.8. Chủ động hội nhập quốc tế về văn hoá, tiếp thu tinh hoa văn hoá nhân loại và truyền bá văn hoá Việt Nam ra thế giới. Mở rộng giao lưu, hợp tác văn hoá với các nước; đa dạng hoá các hình thức văn hoá đối ngoại, đưa các quan hệ quốc tế về văn hoá đi vào chiều sâu. Tạo điều kiện thuận lợi để người Việt Nam ở nước ngoài, các tổ chức quốc tế đầu tư trí tuệ, nguồn lực, tham gia phát triển văn hoá, quảng bá hình ảnh đất nước, con người Việt Nam. Tăng cường các chương trình dạy tiếng Việt cho người Việt Nam ở nước ngoài và người nước ngoài ở Việt Nam. Chọn lọc, tiếp thu kinh nghiệm tốt, phù hợp của các nước trong việc giữ gìn bản sắc văn hoá dân tộc, khắc phục những ảnh hưởng tiêu cực, mặt trái của toàn cầu hoá về văn hoá.

3. Tổ chức thực hiện

- Các tỉnh uỷ, thành uỷ và các đảng uỷ trực thuộc Trung ương tiếp tục chỉ đạo tổ chức thực hiện các nội dung của Nghị quyết số 33-NQ/TW và Kết luận này.

- Đảng đoàn Quốc hội lãnh đạo việc thể chế hoá nội dung của Nghị quyết số 33-NQ/TW; rà soát, sửa đổi, bổ sung để hoàn thiện pháp luật về việc xây dựng

và phát triển văn hoá, con người Việt Nam; tăng cường hoạt động giám sát việc thực thi chính sách, pháp luật về xây dựng, phát triển văn hoá, con người Việt Nam.

- Ban cán sự đảng Chính phủ lãnh đạo tổ chức thực hiện Nghị quyết số 33-NQ/TW và Kết luận này. Rà soát, điều chỉnh, bổ sung các văn bản quản lý về hoạt động văn hoá, văn học, nghệ thuật phù hợp với yêu cầu của tình hình mới. Đầu tư nguồn lực thoả đáng cho sự nghiệp xây dựng văn hoá, giáo dục và con người trong thời kỳ mới. Kiện toàn đội ngũ cán bộ làm công tác trong lĩnh vực văn hoá, văn học, nghệ thuật có phẩm chất, năng lực và trình độ chuyên môn phù hợp.

- Đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên Mặt trận tập trung làm tốt công tác tuyên truyền, vận động, tư vấn, hỗ trợ, giám sát các tổ chức, cá nhân tham gia thực hiện Nghị quyết số 33-NQ/TW và việc thực hiện các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về xây dựng và phát triển văn hoá, con người Việt Nam. Tăng cường phối hợp giữa nhà trường, gia đình và xã hội; giữa các ban, ngành, đoàn thể trong công tác giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống, thẩm mỹ cho thế hệ trẻ. Nâng cao chất lượng, hiệu quả phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá", các phong trào thi đua yêu nước.

- Ban Tuyên giáo Trung ương chủ trì, phối hợp với các ban, bộ, ngành, địa phương, đơn vị đổi mới phương thức tuyên truyền, vận động, tạo chuyển biến về nhận thức, trách nhiệm của toàn xã hội trong việc xây dựng và phát triển văn hoá, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước; theo dõi, kiểm tra việc thực hiện Kết luận này, định kỳ báo cáo Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

Nơi nhận:

- Các tỉnh uỷ, thành uỷ,
- Các ban đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng uỷ trực thuộc Trung ương,
- Các đảng uỷ đơn vị sự nghiệp Trung ương,
- Các đồng chí Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương,
- Lưu Văn phòng Trung ương Đảng.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ



Trần Quốc Vượng



Ký bởi: Tỉnh ủy Lâm Đồng
Email: tinhuy@lamdong.gov.vn
Cơ quan: Tỉnh ủy Lâm Đồng
Ngày ký: 28.07.2020 15:44:05 +07:00

TỈNH ỦY LÂM ĐỒNG

*

Số 134- KH/TU

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Lâm Đồng, ngày 28 tháng 7 năm 2020

KẾ HOẠCH

**Triển khai thực hiện Nghị quyết số 55-NQ/TW ngày 11/02/2020
của Bộ Chính trị về định hướng Chiến lược phát triển năng lượng quốc gia
của Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045**

I. TÌNH HÌNH VÀ NGUYÊN NHÂN

1. Đánh giá thực trạng, tiềm năng, lợi thế ngành năng lượng Lâm Đồng

Lâm Đồng là một tỉnh thuộc Nam Tây Nguyên, với việc phát huy lợi thế là khu vực đầu nguồn của hệ thống sông suối lớn (hệ thống sông Đa Nhim, sông Đồng Nai, sông Krông nô, sông Đa Dâng...), địa hình đa số là núi và cao nguyên với độ cao trung bình từ 800 đến 1.500 mét so với mực nước biển, lượng mưa trung bình 1.750 - 3.150 mm/năm, tỉnh Lâm Đồng đã khai thác phát triển có hiệu quả ngành năng lượng. Đến nay, tổng giá trị sản xuất công nghiệp năng lượng chiếm 21% tổng giá trị sản xuất công nghiệp, hàng năm các khoản thuế từ lĩnh vực thủy điện thu nộp ngân sách gần 20 %¹ tổng thu thuế phí của tỉnh.

- Giai đoạn 2010-2020, tỉnh Lâm Đồng đã tập trung thu hút đầu tư lĩnh vực công nghiệp năng lượng, trong đó chủ yếu là các công trình thủy điện lớn, thủy điện vừa và nhỏ. Năm 2010 từ chỗ 12 nhà máy với tổng công suất 1.502 MW đến 2020 trên địa bàn tỉnh đã đưa vào vận hành ổn định góp phần đảm bảo an ninh năng lượng của quốc gia với 33 nhà máy² thủy điện với tổng công suất 2.084 MW (kể cả nhà máy thủy điện Hàm Thuận, Đa Mi với công suất 475 MW), tăng thêm 582 MW so với năm 2010, tổng sản lượng điện theo thiết kế đạt 7.933 triệu kWh. Các dự án đã được quy hoạch, đang triển khai các thủ tục đầu tư gồm: 08 dự án đang thi công xây dựng (122,6 MW), 10 dự án đang lập thủ tục đầu tư (93,4 MW), 01 dự án đang đề nghị bổ sung quy hoạch (31 MW).

- Ngoài tiềm năng thủy điện dồi dào, Lâm Đồng còn có tiềm năng lớn về năng lượng tái tạo. Với tốc độ gió trung bình ở độ cao 65 m khoảng 6,5-8,5 m/s và chiếm trên 57% diện tích toàn tỉnh nên việc phát triển điện gió kết hợp phát triển du lịch canh nông rất hiệu quả, tổng công suất điện gió tiềm năng trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng ước khoảng gần 22.300 MW³. Với bức xạ trung bình 5,13 kWh/m², số

¹ Khoảng thu đạt từ 800-1.000 tỷ/5.000 tỷ/năm đồng thuế phí của toàn tỉnh.

² Doanh nghiệp nhà nước có 15 nhà máy với tổng công suất 1866,5 MW chiếm tỷ lệ 89,55%; Doanh nghiệp tư nhân có 18 nhà máy với tổng công suất 217,8 MW chiếm tỷ lệ 10,45%.

³ Qua phân tích bản đồ (atlas) gió của Lâm Đồng, có thể thấy tiềm năng gió tập trung ở khu vực phía Bắc, nhiều nhất ở các huyện Lạc Dương, Đơn Dương, Đức Trọng, Di Linh và TP. Đà Lạt. Vận tốc gió trung bình năm lớn nhất là 8 m/giây - 8,5 m/giây, chủ yếu tại các đỉnh núi ở huyện Lạc Dương và TP. Đà Lạt; vận tốc gió trung bình, từ 7,5 đến 8 m/giây, chủ yếu ở Lạc Dương và TP. Đà Lạt; vận tốc 7 - 7,5 m/giây chủ yếu tập trung ở Lạc Dương, Đơn Dương, Đức Trọng và một phần Di Linh; vận tốc gió trung bình

giờ nắng trung bình khoảng 2.400 giờ/năm, sản lượng bức xạ nhiệt trung bình khoảng 5 kWh/m²/ngày là tiềm năng để đầu tư các dự án năng lượng mặt trời nổi trên các hồ thủy lợi, hồ thủy điện và điện mặt trời áp mái tại các khu, cụm công nghiệp, khu sản xuất nông nghiệp công nghệ cao⁴, khu dân cư ... tổng công suất có khả năng phát triển trên 1.800 MW; điện sinh khối từ rác thải đô thị, chất thải nông nghiệp, chất thải rắn tại các thành phố, trung tâm huyện (khoảng 13 MW)⁵. Đến nay tỉnh đã quy hoạch 04 dự án điện gió (178,8 MW), đang đề nghị bổ sung quy hoạch 10 dự án điện mặt trời (công suất 560,68 MWp).

- Hệ thống lưới điện đầu tư cơ bản, truyền tải công suất của các nhà máy thủy điện lên hệ thống điện quốc gia và nâng cao độ tin cậy cung cấp điện. Hệ thống đường dây và trạm 500 kV, 220 kV, 110 kV, lưới điện trung áp 22 kV, mạch nhánh rẽ... đảm bảo cung cấp điện ổn định cho sinh hoạt, sản xuất kinh doanh. Tổng số hộ được sử dụng điện lưới quốc gia đến nay đạt 99,9%, trong đó vùng nông thôn đạt 99,84%. Hệ thống truyền tải điện 500 kV có chiều dài 149,82101 km đi qua 06 huyện Đam Rông, Lâm Hà, Di Linh Bảo Lâm, Đà Huoai và thành phố Bảo Lộc; trạm biến áp 500 kV Di Linh có công suất hiện nay là 900 MVA⁶; hệ thống đường dây 220 kV có chiều dài trên 403 km, 03 trạm biến áp 220/110 kV; Tổng chiều dài đường dây 110 kV là 352,1 km, 09 trạm biến áp 110/22 kV và 01 máy biến áp 110/22 kV với tổng dung lượng 420 MVA, tổng chiều dài lưới điện trung thế 22 kV là 3.877,2 km, 6.464 trạm phân phối với 8.167 máy biến áp với tổng dung lượng là 847.428 kVA; Tổng chiều dài đường dây hạ thế 4.535 km. Trong thời gian đến sẽ được đầu tư đường dây 500 kV mạch kép Thuận Nam - Chơn Thành đi qua các tỉnh Ninh Thuận - Lâm Đồng - Bình Phước với tổng chiều dài tuyến dự kiến 296,574 km, trong đó chiều dài tuyến qua Lâm Đồng có chiều dài khoảng 172,374 km sẽ rất thuận lợi cho việc đấu nối giải tỏa công suất, tuyến tải điện từ các nhà máy điện gió, điện mặt trời lên hệ thống 500 kV vào lưới điện Quốc gia và ngược lại, cung cấp phụ tải cho khu vực Lâm Đồng và các tỉnh Nam Trung Bộ qua các đường dây 220 kV, phát triển các trạm 110 kV tại Bảo Lộc, Đà Lạt, Đà Huoai, Cát Tiên..., tạo điều kiện để phát triển năng lượng tái tạo.

- Hệ thống khí dầu mỏ hóa lỏng gồm 573 cửa hàng, tăng trưởng bình quân trên 17% và xăng dầu gồm 306 cửa hàng, tăng trưởng bình quân 12-13%/năm, đã

nằm tại Lâm Hà, Đức Trọng, Di Linh và Bảo Lâm là từ 6,5 đến 7 m/giây. Ước tính, tổng diện tích khu vực có tiềm năng gió trên địa bàn Lâm Đồng khoảng 557.271 ha (khoảng 57,1% diện tích cả tỉnh). Các nơi có tiềm năng gió phân bố trên diện tích lớn là Đức Trọng (98%), TP. Đà Lạt (97%) và Lạc Dương (85%). Ở cấp độ vận tốc gió từ 7,5 đến 8 m/giây, dẫn đầu là TP. Đà Lạt (55% diện tích), rồi đến Lạc Dương (29,6%), Di Linh (7,1%) và Đơn Dương (6,4%).

⁴ Hiện nay theo báo cáo các DN NNCN có diện tích khoảng 1.056 ha, diện tích có thể đầu tư phát triển điện mặt trời trên khu vực sản xuất khoảng 400-450 MW, tại các nhà máy khu cụm công nghiệp khoảng 100-150 MW, còn lại phát triển trong khu vực dân cư.

⁵ Hiện nay trên địa bàn tỉnh đang triển khai đầu tư 06 cơ sở xử lý rác: Nhà máy TP Đà Lạt 200 tấn/ngày/đêm; Đức Trọng 195 tấn/ngày/đêm, Đơn Dương 150 tấn/ngày/đêm, Đà Huoai 90 tấn/ngày/đêm, Lâm Hà 180 tấn/ngày/đêm; Tổng khối lượng chất thải sinh hoạt phát sinh trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng khoảng 653 tấn/ngày/đêm.

⁶ Dự án Nâng công suất Trạm biến áp 500 kV Di Linh từ 450 MVA lên 900 MVA là công trình năng lượng đặc biệt với quy mô lắp đặt bổ sung 1 tổ máy biến áp 500/220/35 kV - 3x150 MVA thực hiện đầu năm 2020, đóng điện đưa vào vận hành vào cuối tháng 5 năm 2020.

đóng góp rất quan trọng trong việc cung cấp đầy đủ các nguồn năng lượng phục vụ sinh hoạt, tiêu dùng, sản xuất của nhân dân và phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Lâm Đồng.

2. Một số tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

a) Một số tồn tại, hạn chế

- Công nghiệp năng lượng của tỉnh phát triển chưa tương xứng với tiềm năng, lợi thế; chỉ mới tập trung đầu tư phát triển thủy điện, tốc độ thu hút phát triển điện gió, điện mặt trời còn chậm; điện sử dụng rác thải đô thị, sinh khối và chất thải rắn chưa thu hút được dự án. Phần lớn các dự án thủy điện vừa và nhỏ đầu tư chậm tiến độ.

- Hệ thống truyền tải, phân phối điện tuy được quan tâm đầu tư nhưng vẫn chưa đáp ứng yêu cầu, vẫn còn tình trạng hệ thống phân phối điện xuống cấp nhưng chậm được cải tạo, chưa đảm bảo cấp điện an toàn, chất lượng; tổn thất điện năng còn cao.

b) Nguyên nhân

- Công tác quản lý nhà nước về năng lượng còn hạn chế; chưa thường xuyên kiểm tra, đôn đốc việc triển khai thực hiện dự án của các nhà đầu tư; chưa kiên quyết xử lý các trường hợp chậm tiến độ; chưa triển khai xây dựng quy hoạch hệ thống các dự án điện gió, điện mặt trời trên địa bàn tỉnh.

- Suất đầu tư cho các nhà máy điện rác, điện gió còn khá cao⁷, việc huy động vốn còn khó khăn; một số nhà đầu tư năng lực còn hạn chế, khó khăn về nguồn vốn; trình độ quản lý, điều hành chưa cao; nguồn vốn đầu tư, nâng cấp, cải tạo cho hệ thống truyền tải, phân phối điện còn thiếu; thiếu cơ chế, chính sách trong huy động nguồn lực đầu tư cho hệ thống truyền tải, phân phối điện.

II. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Nhận thức đầy đủ, sâu sắc về quan điểm chỉ đạo, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu về định hướng Chiến lược phát triển năng lượng quốc gia của Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 theo Nghị quyết số 55-NQ/TW ngày 11/2/2020 của Bộ Chính trị, tạo sự đồng thuận trong xã hội, nâng cao trách nhiệm của các cấp ủy Đảng, chính quyền, Mặt trận tổ quốc và các đoàn thể trong lãnh đạo, tổ chức thực hiện Nghị quyết.

2. Cụ thể hóa các mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu thực hiện Chiến lược phát triển năng lượng quốc gia của Việt Nam theo Nghị quyết số 55-NQ/TW phù hợp với điều kiện thực tế của tỉnh, phát huy tiềm năng, lợi thế, ưu tiên thu hút đầu tư phát triển năng lượng tái tạo, năng lượng sạch để triển khai kịp thời, đảm bảo tính khả thi, đồng thời xác định các nội dung trọng tâm, tập trung chỉ đạo, đảm bảo thực hiện đồng bộ, hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu của Nghị quyết về Chính sách phát triển năng lượng quốc gia.

⁷ Khoảng 3,5 đến 4 triệu đô la/1MW điện, Trong khi đó, dù sử dụng loại công nghệ theo phương án nào thì hiệu suất điện năng của các nhà máy điện rác đều ở mức nhỏ (cao nhất cũng chỉ là 30%).

3. Đề cao tính chủ động, sáng tạo, bảo đảm chất lượng, hiệu quả trong tổ chức thực hiện; thường xuyên cập nhật, bổ sung những chủ trương, chính sách mới đáp ứng yêu cầu thực tiễn trong quá trình thực hiện Nghị quyết số 55-NQ/TW

III. QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO, MỤC TIÊU VÀ TẦM NHÌN

1. Quan điểm chỉ đạo

- Bảo đảm an ninh năng lượng là nền tảng, đồng thời là tiền đề quan trọng để phát triển kinh tế - xã hội. Ưu tiên phát triển năng lượng nhanh và bền vững, gắn với bảo vệ môi trường sinh thái, bảo đảm quốc phòng, an ninh, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, là nhiệm vụ trọng tâm xuyên suốt của tỉnh trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.
- Phát triển năng lượng phải phù hợp với thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; xu thế hội nhập quốc tế; nhanh chóng xây dựng thị trường năng lượng đồng bộ, cạnh tranh, minh bạch, đa dạng hóa hình thức sở hữu và phương thức kinh doanh; áp dụng giá thị trường với mọi loại hình năng lượng. Khuyến khích và tạo mọi điều kiện thuận lợi để các thành phần kinh tế tham gia phát triển năng lượng, nhất là nguồn điện, lưới điện; kiên quyết loại bỏ mọi biểu hiện bao cấp, độc quyền, cạnh tranh không bình đẳng, thiếu minh bạch trong ngành năng lượng.
- Phát triển đồng bộ, hợp lý và đa dạng hóa các loại hình năng lượng; ưu tiên khai thác, sử dụng triệt để và hiệu quả các nguồn năng lượng tái tạo, năng lượng mới, năng lượng sạch; không phát triển nhiệt điện than trên địa bàn tỉnh.
- Chú trọng nghiên cứu, áp dụng những thành tựu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư trong tất cả các phân ngành, lĩnh vực năng lượng; đẩy mạnh chuyển đổi số trong ngành năng lượng; từng bước làm chủ công nghệ hiện đại; khuyến khích, thu hút đầu tư sản xuất các thiết bị năng lượng trên địa bàn tỉnh.
- Sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả, bảo vệ môi trường phải được xem là quốc sách quan trọng và trách nhiệm của toàn xã hội. Tăng cường kiểm toán năng lượng; xây dựng cơ chế chính sách đồng bộ, chế tài đủ mạnh và khả thi theo thẩm quyền của tỉnh để khuyến khích đầu tư và sử dụng các công nghệ, trang thiết bị tiết kiệm năng lượng, thân thiện môi trường, góp phần thúc đẩy năng suất lao động và đổi mới mô hình tăng trưởng.

2. Mục tiêu

a) Mục tiêu tổng quát

Cung cấp đủ nhu cầu năng lượng đáp ứng cho các mục tiêu của chiến lược phát triển kinh tế xã hội của tỉnh. Xây dựng thị trường năng lượng cạnh tranh minh bạch, hiệu quả, phù hợp với thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa theo thẩm quyền được phân công, phân cấp. Ưu tiên đầu tư, khai thác và sử dụng có hiệu quả nguồn năng lượng tái tạo, năng lượng mới, năng lượng sạch trong tỉnh, ngành năng lượng đóng góp quan trọng trong việc thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh trên địa bàn tỉnh; triệt để thực hành tiết kiệm và

sử dụng hiệu quả năng lượng. Nâng cấp, xây dựng lưới điện truyền tải, phân phối điện tiên tiến, hiện đại.

b) Một số mục tiêu cụ thể

- Cung cấp đủ nhu cầu năng lượng điện của tỉnh, đáp ứng cho các mục tiêu của chiến lược phát triển kinh tế - xã hội địa phương theo Quy hoạch phát triển điện lực tỉnh được phê duyệt: Năm 2025: Công suất cực đại $P_{max} = 489$ MW, điện thương phẩm 2.437 triệu kWh; Năm 2030: Công suất cực đại $P_{max} = 723$ MW, điện thương phẩm 3.719 triệu kWh; Năm 2035: Công suất cực đại $P_{max} = 1.026$ MW, điện thương phẩm 5.459 triệu kWh.

- Thực hiện hoàn thành các Quy hoạch nguồn và lưới điện đã được phê duyệt trên địa bàn tỉnh; tổng công suất của các nguồn điện đến năm 2030 đạt trên 3.000 MW, sản lượng điện trung bình năm đạt khoảng trên 10 tỷ kWh.

- Tỷ lệ các nguồn năng lượng tái tạo trong tổng cung năng lượng sơ cấp đạt khoảng từ 25% trở lên vào năm 2030, từ 35% trở lên vào năm 2045.

- Tổng tiêu thụ năng lượng cuối cùng đến năm 2030 đạt khoảng 1,2 triệu TOE (tấn dầu quy đổi), năm 2045 đạt khoảng 2,5 triệu TOE, cường độ năng lượng sơ cấp năm 2030 đạt từ 420-450 kg OE/1.000 USD GRDP, năm 2045 đạt từ 375-400 kg OE/1.000 USD GRDP.

- Xây dựng hệ thống lưới điện đồng bộ để vận hành hiệu quả, có khả năng kết nối khu vực, bảo đảm cung cấp điện an toàn, đáp ứng tiêu chí N-1⁸ đối với các khách hàng sử dụng điện quan trọng được cấp điện theo thứ tự ưu tiên trên địa bàn tỉnh (phụ tải loại I do Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt theo từng thời kỳ).

- Tỷ lệ tiết kiệm năng lượng trên tổng tiêu thụ năng lượng cuối cùng so với kịch bản phát triển bình thường đạt khoảng 7% vào năm 2030 và khoảng 14% vào năm 2045.

- Giảm phát thải khí nhà kính từ hoạt động năng lượng so với kịch bản phát triển bình thường ở mức 15% vào năm 2030, lên mức 20% vào năm 2045.

3. Tầm nhìn đến năm 2045

Bảo đảm vững chắc an ninh năng lượng; hình thành đồng bộ các yếu tố thị trường năng lượng cạnh tranh, minh bạch, phù hợp với thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; các phân ngành năng lượng phát triển bền vững, sử dụng hiệu quả tài nguyên, bảo vệ môi trường và thích ứng với biến đổi khí hậu; hệ thống hạ tầng năng lượng phát triển đồng bộ, hiện đại, khả năng kết nối khu vực được nâng cao; chất lượng nguồn nhân lực, trình độ khoa học - công nghệ và năng

⁸ Tiêu chí N-1 là một tiêu chí phục vụ quy hoạch, thiết kế, đầu tư xây dựng và vận hành hệ thống điện đảm bảo khi có sự cố một phần tử xảy ra trong hệ thống điện hoặc khi một phần tử tách khỏi vận hành để bảo dưỡng, sửa chữa thì hệ thống điện vẫn vận hành ổn định, đáp ứng các tiêu chuẩn vận hành, giới hạn vận hành cho phép và cung cấp điện an toàn, liên tục.

lực quản trị ngành năng lượng đạt trình độ tiên tiến của một nước công nghiệp phát triển hiện đại.

IV. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Tập trung phát triển các nguồn cung năng lượng sơ cấp có lợi thế theo hướng đa dạng hoá, bảo đảm tính hiệu quả, tin cậy và bền vững

- *Về năng lượng tái tạo:* Tham gia phối hợp với các bộ, ngành Trung ương xây dựng hoàn thiện các cơ chế, chính sách đột phá để khuyến khích và thúc đẩy phát triển mạnh mẽ các nguồn năng lượng tái tạo nhằm thay thế tối đa các nguồn năng lượng hoá thạch.

Khuyến khích, tạo điều kiện thuận lợi cho các nhà đầu tư nghiên cứu, đề xuất dự án theo quy định. Ưu tiên thu hút đầu tư và sử dụng năng lượng gió và mặt trời cho phát điện ở những nơi phù hợp, đảm bảo không tác động đến rừng tự nhiên, quy hoạch phát triển dân cư; an ninh quốc phòng. Chủ động phát triển điện mặt trời trên các hồ thủy điện, thủy lợi, điện mặt trời áp mái.

Nghiên cứu, xây dựng định hướng phát triển các dự án năng lượng gió, mặt trời với quy mô công suất phù hợp với điều kiện thực tiễn, tiềm năng và vùng địa lý của tỉnh; phát triển năng lượng điện rác với việc sử dụng rác thải đô thị, sinh khối và chất thải rắn đi đôi với công tác bảo vệ môi trường và phát triển kinh tế tuần hoàn.

- *Về các nguồn năng lượng khác:* Kịp thời nắm bắt các thông tin liên quan, phát triển trong điều kiện cho phép về tiến bộ khoa học - kỹ thuật, nguồn nhân lực, khả năng tài chính.

2. Phát triển nhanh và bền vững ngành điện đáp ứng yêu cầu công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước

- Tham gia xây dựng hoàn thiện và triển khai Chiến lược phát triển ngành điện lực Việt Nam cho giai đoạn mới, Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045 (Quy hoạch điện VIII), tiếp tục nghiên cứu, đề nghị bổ sung các dự án thủy điện, điện gió, điện mặt trời, điện sinh khối vào quy hoạch phát triển điện lực quốc gia. Rà soát các quy hoạch nguồn và lưới điện trên địa bàn tỉnh để phát triển nhanh và bền vững các nguồn phát điện và lưới truyền tải, phân phối điện với cơ cấu và phân bố hợp lý, bảo đảm an toàn, tin cậy, ổn định theo hướng đa dạng hoá, chú trọng nâng cao hệ số công suất khả dụng và có dự phòng công suất phù hợp, đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường sinh thái.

Đối với thủy điện: Huy động tối đa các nguồn thủy điện hiện có, đẩy nhanh tiến độ đầu tư xây dựng các thủy điện theo quy hoạch đã được phê duyệt để sớm đưa vào hoạt động; nghiên cứu đầu tư, cải tạo, nâng công suất thiết kế các nhà máy thủy điện đang hoạt động nhưng chưa phát huy hết khả năng của hồ chứa. Tiếp tục nghiên cứu, phát triển có chọn lọc, bổ sung một số thủy điện nhỏ, thủy điện tích năng.

Đối với điện gió: Ưu tiên phát triển phù hợp với khả năng bảo đảm an toàn hệ thống lưới điện với giá thành điện năng hợp lý. Đẩy nhanh việc triển khai các dự án điện gió đã được bổ sung quy hoạch và đẩy nhanh tiến độ bổ sung danh mục các dự án điện gió trên địa bàn tỉnh do các nhà đầu tư đang nghiên cứu vào Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045 (Quy hoạch điện VIII) ở các địa bàn có lợi thế, vận tốc gió trung bình cao như Đà Lạt, Lạc Dương, Đơn Dương, Đức Trọng, Di Linh, Lâm Hà và Bảo Lâm.

Đối với điện mặt trời: Khuyến khích phát triển điện mặt trời áp mái và điện mặt trời trên các hồ thủy lợi, hồ thủy điện, đất nông nghiệp xấu năng suất thấp để khai thác tiềm năng. Phấn đấu đến 2030, phát triển từ 560 MW - 1.800 MW điện mặt trời (điện mặt trời trên hồ đạt trên 600 MW); tập trung thu hút và phát triển điện mặt trời trên các khu cụm công nghiệp, khu sản xuất nông nghiệp công nghệ cao ở các địa bàn có lợi thế về bức xạ, hạ tầng công trình.

Xây dựng cơ chế chính sách khuyến khích phát triển điện mặt trời áp mái trên đất công nghiệp trong các khu, cụm công nghiệp, các khu vực vùng sản xuất nông nghiệp áp dụng công nghệ cao để góp phần giảm chi phí cho sản xuất theo Quyết định số 13/QĐ-TTg ngày 16/4/2020 của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế khuyến khích phát triển điện mặt trời ở Việt Nam.

Đối với nhiệt điện: Không đầu tư, phát triển nhiệt điện than trên địa bàn tỉnh. Đối với nhà máy nhiệt điện của tổ hợp Bauxit-nhôm Lâm Đồng phải có lộ trình chuyển đổi sang sử dụng nguồn nguyên liệu khác thay thế cho than đá. Khuyến khích phát triển nhiệt điện sử dụng khí thiên nhiên hóa lỏng (LNG) đối với các dự án có đầu tư nhà máy nhiệt điện tự cung cấp cho nhu cầu tại chỗ.

Đối với điện sinh khối, rác thải và chất thải rắn: Khai thác tối đa nguồn điện sinh khối đồng phát; tăng cường phát triển các nguồn điện từ rác thải đô thị, chất thải rắn và sinh khối. Tập trung xây dựng các cơ chế để phát triển điện sinh khối, rác thải và chất thải rắn nhằm góp phần giải quyết tình trạng các bãi rác của tỉnh chôn lấp hờ, không đạt tiêu chuẩn môi trường, mất mỹ quan khu vực. Giai đoạn đến 2030 tập trung thu hút các dự án điện rác gắn với xử lý rác thải với quy mô hợp lý tại các địa bàn đô thị tập trung nhiều như thành phố Đà Lạt, thành phố Bảo Lộc, Đức Trọng, Đơn Dương, Đa Huoai, Lâm Hà.

- Tạo điều kiện thuận lợi thực hiện đầu tư hiện đại hoá ngành điện từ khâu sản xuất, truyền tải đến phân phối đáp ứng yêu cầu phát triển của thị trường điện, có khả năng tích hợp quy mô lớn nguồn năng lượng tái tạo; nâng cao khả năng bảo đảm an ninh mạng lưới điện và chất lượng dịch vụ điện. Tích cực thực hiện các Chương trình quản lý nhu cầu điện; quản lý chặt chẽ hơn cường độ tiêu thụ điện năng; giảm thiểu tối đa tổn thất điện năng; tham gia hoàn thiện cơ chế, chính sách khuyến khích và triển khai tích trữ điện năng. Tích cực phối hợp với các Bộ ngành triển khai có hiệu quả đường dây 500 kV mạch kép Thuận Nam - Chơn thành đoạn tuyến qua địa phận Lâm Đồng.

- Tham gia nghiên cứu, hoàn thiện các cơ chế tài chính và huy động vốn cho đầu tư phát triển ngành điện, cơ chế cho phép phát triển các nhà máy điện sản xuất tại chỗ, tự cung cấp trong các khu, cụm công nghiệp.

- Thực hiện tốt cơ chế đấu thầu, đấu giá trong đầu tư các dự án đầu tư năng lượng mới, năng lượng tái tạo; đảm bảo minh bạch trong mua bán điện.

3. Cơ cấu lại các ngành và khu vực tiêu thụ năng lượng song song với thực hiện chính sách về sử dụng năng lượng sạch, tiết kiệm và hiệu quả

- Rà soát lại các lĩnh vực sản xuất tiêu thụ năng lượng, đặc biệt là khu vực đầu tư nước ngoài để giảm thiểu cường độ năng lượng. Khuyến khích đầu tư các dự án công nghiệp tiêu thụ ít năng lượng và có hiệu quả về kinh tế - xã hội. Không cấp phép đầu tư đối với các dự án sử dụng công nghệ lạc hậu, tiêu tốn nhiều năng lượng. Thực hiện nghiêm việc áp dụng các tiêu chuẩn, quy chuẩn bắt buộc kèm theo chế tài về sử dụng hiệu quả năng lượng đối với những lĩnh vực, sản phẩm có mức tiêu thụ năng lượng cao.

- Triển khai có hiệu quả Chương trình quốc gia sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả giai đoạn 2020 - 2030. Có chính sách khuyến khích các hộ, cơ sở tiêu thụ sử dụng năng lượng sạch, năng lượng tái tạo, nhất là trong công nghiệp, dịch vụ, du lịch, giao thông; sử dụng hệ thống điều khiển thông minh, đèn tiết kiệm năng lượng, pin mặt trời trong chiếu sáng đường phố công cộng; thúc đẩy phát triển các phương tiện giao thông sử dụng điện, năng lượng sinh học phù hợp với xu thế phát triển xanh.

- Khuyến khích chuyển đổi công nghệ để giảm dần tỷ lệ sử dụng than trong phát điện sản xuất Alumin - nhôm.

4. Phát triển hạ tầng năng lượng bền vững, kết nối khu vực; nâng cao nội lực ngành công nghiệp chế tạo, dịch vụ phục vụ ngành năng lượng

- Ưu tiên đầu tư phát triển hạ tầng năng lượng bền vững; chú trọng phát triển và bảo vệ hệ thống đường dây 500 kV đi qua địa bàn tỉnh Lâm Đồng, phát triển lưới điện phân phối trung áp phù hợp với lưới điện truyền tải 220 kV, 110 kV; bảo đảm chất lượng, nâng cao độ ổn định, an toàn, tin cậy cung cấp điện, giảm tổn thất điện năng; phát triển đồng bộ hệ thống hạ tầng lưới điện phân phối để xóa tình trạng cấp điện qua khâu trung gian, tăng cường chất lượng dịch vụ cấp điện cho sinh hoạt, sản xuất kinh doanh. Xác định danh mục hạ tầng năng lượng có thể dùng chung và xây dựng cơ chế dùng chung phù hợp với cơ chế thị trường. Xóa bỏ mọi độc quyền, rào cản bất hợp lý trong sử dụng cơ sở vật chất và dịch vụ hạ tầng năng lượng. Thực hiện xã hội hoá tối đa trong đầu tư và khai thác, sử dụng cơ sở vật chất, dịch vụ ngành năng lượng.

- Thúc đẩy nhanh chuyển đổi số trong ngành năng lượng trên địa bàn tỉnh, triển khai có kết quả Chương trình quốc gia về phát triển hạ tầng năng lượng thông minh khi được ban hành; tham gia xây dựng cơ sở dữ liệu thực hiện thống kê năng lượng phục vụ công tác quản lý, điều hành hiệu quả ngành năng lượng.

- Tham gia xây dựng cơ chế, chính sách khuyến khích và hỗ trợ phát triển công nghiệp chế tạo và dịch vụ phục vụ ngành năng lượng theo hướng tăng cường nội lực, hướng đến xuất khẩu; ưu tiên phát triển các ngành chế tạo máy, thiết bị điện; khuyến khích và đẩy mạnh triển khai mô hình các Công ty dịch vụ năng lượng.

5. Cơ cấu lại, đổi mới và nâng cao hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp nhà nước trong lĩnh vực năng lượng; khuyến khích kinh tế tư nhân tham gia xã hội hoá phát triển năng lượng

- Phối hợp Tập đoàn Than và khoáng sản, Tập đoàn Điện lực Việt Nam, Tập đoàn Xăng dầu cơ cấu lại toàn diện các doanh nghiệp nhà nước hoạt động trong lĩnh vực năng lượng trên địa bàn tỉnh theo hướng tập trung vào các lĩnh vực cốt lõi, có thế mạnh; áp dụng các mô hình và thông lệ quản trị tiên tiến; triệt để thực hiện công khai, minh bạch hóa trong hoạt động; chú trọng nâng cao hiệu quả khai thác, sử dụng năng lượng quốc gia.

- Tạo lập môi trường thuận lợi, minh bạch; công khai quy hoạch, danh mục các dự án đầu tư, xóa bỏ mọi rào cản để thu hút, khuyến khích tư nhân tham gia đầu tư, phát triển các dự án thủy điện, điện gió, điện mặt trời, điện sinh khối trên địa bàn tỉnh. Khuyến khích, thu hút đầu tư nước ngoài có quy mô, chất lượng và hiệu quả đối với các dự án điện gió, điện mặt trời, phát triển lưới điện, điện sử dụng rác thải đô thị, sinh khối và chất thải rắn; xây dựng cơ chế đầu tư thông thoáng, cải cách thủ tục hành chính để đảm bảo tiến độ các công trình điện.

- Áp dụng mức ưu đãi cao nhất với các dự án đầu tư phát triển điện gió, điện mặt trời, điện sinh khối theo quy định của pháp luật, hỗ trợ nhà đầu tư trong nghiên cứu, lập hồ sơ dự án, giải phóng mặt bằng, giải quyết thủ tục hành chính, giảm chi phí và thời gian thực hiện thủ tục đầu tư.

6. Đổi mới cơ chế, chính sách, phát triển thị trường năng lượng đồng bộ, liên thông, hiện đại và hiệu quả, phù hợp với định hướng xã hội chủ nghĩa

- Phối hợp với các bộ, ngành Trung ương phát triển thị trường năng lượng đồng bộ, liên thông. Xóa bỏ mọi rào cản để đảm bảo giá năng lượng minh bạch do thị trường quyết định. Hoàn thiện cơ chế, chính sách, các công cụ có tính thị trường để đẩy mạnh sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả.

- Rà soát, điều chỉnh và hoàn thiện các chính sách về đất đai, đền bù giải phóng mặt bằng, sử dụng mặt nước, chống đầu cơ, trục lợi, lợi ích nhóm trong lĩnh vực năng lượng; khuyến khích thu hút mạnh các nguồn vốn đầu tư ngoài nhà nước, các dự án đầu tư năng lượng theo hình thức đối tác công tư (PPP), tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp tiếp cận các nguồn vốn, đặc biệt là doanh nghiệp có dự án năng lượng xanh. Thực thi có hiệu quả chính sách thuế, khuyến khích sản xuất năng lượng sạch, tái tạo. Hình thành và vận hành có hiệu quả các quỹ về phát triển năng lượng bền vững khi có đầy đủ cơ sở pháp lý, thúc đẩy sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả theo hướng xã hội hóa, bảo đảm độc lập về tài chính, không trùng lặp nguồn thu, nhiệm vụ chi của ngân sách nhà nước và hạn chế việc làm tăng chi phí hoạt động, sản xuất kinh doanh cho doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh. Thực hiện chính sách về tiêu chuẩn năng lượng tái tạo trong cơ cấu đầu tư và cung cấp năng lượng.

- Quy hoạch, bố trí đất đai để phát triển công nghiệp năng lượng, nâng cao chất lượng công tác xây dựng các phân ngành quy hoạch phát triển năng lượng, bảo đảm tính ổn định, đồng bộ và linh hoạt, nhằm đảm bảo thực hiện kế hoạch phát

triển kinh tế - xã hội và tăng cường củng cố quốc phòng an ninh của tỉnh. Thúc đẩy sớm ban hành các quy hoạch liên quan đến phát triển năng lượng theo Luật Quy hoạch.

7. Phát triển khoa học - công nghệ, đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho ngành năng lượng

- Khuyến khích liên kết giữa lực lượng nghiên cứu và phát triển khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo với các doanh nghiệp và các cơ sở đào tạo trong lĩnh vực năng lượng thông qua các chương trình khoa học và công nghệ; lồng ghép hoạt động nghiên cứu và phát triển trong các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển năng lượng. Khuyến khích các doanh nghiệp năng lượng trên địa bàn tỉnh tăng cường đầu tư cho nghiên cứu, phát triển trong quản lý sử dụng thiết bị và áp dụng công nghệ tiên tiến hiện đại 4.0 trong vận hành nhà máy phát điện, trong truyền tải và phân phối điện.

- Từng bước áp dụng các biện pháp khuyến khích và bắt buộc đổi mới công nghệ, thiết bị trong ngành năng lượng cũng như những ngành, lĩnh vực sử dụng nhiều năng lượng trên địa bàn tỉnh.

- Tăng cường đào tạo đội ngũ công nhân kỹ thuật, nhân viên nghiệp vụ, đội ngũ cán bộ quản lý, theo dõi ngành năng lượng trên địa bàn tỉnh và đáp ứng yêu cầu sử dụng trong nước, hướng tới xuất khẩu.

8. Thực thi chính sách bảo vệ môi trường ngành năng lượng gắn với mục tiêu giảm phát thải khí nhà kính, thúc đẩy kinh tế tuần hoàn và phát triển bền vững

- Tăng cường phòng ngừa, kiểm soát các đối tượng có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường cao; xử lý nghiêm các vi phạm về an toàn môi trường theo quy định của pháp luật. Thông tin tuyên truyền kịp thời và đầy đủ về công tác bảo vệ môi trường trong ngành năng lượng.

- Phát triển hệ thống quản lý và xử lý chất thải trong sản xuất năng lượng với công nghệ tiên tiến, phù hợp với điều kiện của tỉnh; bảo đảm năng lực tự xử lý các nguồn thải trong các doanh nghiệp năng lượng. Có cơ chế, chính sách khuyến khích phát triển công nghiệp môi trường gắn với ngành năng lượng.

9. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của Nhà nước; phát huy quyền làm chủ của nhân dân và vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội trong phát triển ngành năng lượng

- Nâng cao nhận thức của các cấp ủy đảng và cả hệ thống chính trị và nhân dân về vai trò, vị trí, tầm quan trọng của ngành năng lượng. Các cấp ủy đảng và chính quyền từ tỉnh đến cơ sở cần xác định phát triển năng lượng quốc gia là nhiệm vụ quan trọng, xuyên suốt, nghiêm túc lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện. Xử lý nghiêm đối với các dự án đầu tư chậm triển khai, làm ảnh hưởng đến phát triển năng lượng trên địa bàn tỉnh.

- Rà soát, hoàn thiện mô hình quản lý nhà nước trong lĩnh vực năng lượng. Thực hiện tốt trách nhiệm, quyền hạn, cơ chế phối hợp giữa Trung ương và địa phương, giữa các cơ quan quản lý nhà nước trong phát triển năng lượng. Đây mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến các văn bản quy phạm pháp luật, nâng cao ý thức chấp hành và thực thi nghiêm túc các quy định pháp luật về năng lượng, về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả. Thực hiện tốt vai trò định hướng, xây dựng chính sách gắn với tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, hỗ trợ thực hiện.

- Phát huy quyền làm chủ của nhân dân; mở rộng sự tham gia của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội, xã hội - nghề nghiệp, các đối tượng chịu tác động của chính sách vào quá trình xây dựng và giám sát thực hiện chiến lược, quy hoạch và chính sách phát triển năng lượng quốc gia về việc đầu tư phát triển ngành năng lượng trên địa bàn tỉnh.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ban Cán sự Đảng UBND tỉnh chỉ đạo xây dựng, ban hành các quy định, kế hoạch, cơ chế chính sách cụ thể để thực hiện kế hoạch này.

2. Các đảng đoàn, ban cán sự đảng, các huyện ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy có trách nhiệm tuyên truyền, phổ biến, quán triệt và xây dựng kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 55-NQ-TW của Bộ Chính trị và kế hoạch này một cách có hiệu quả, phù hợp với tình hình thực tế của đơn vị, địa phương mình.

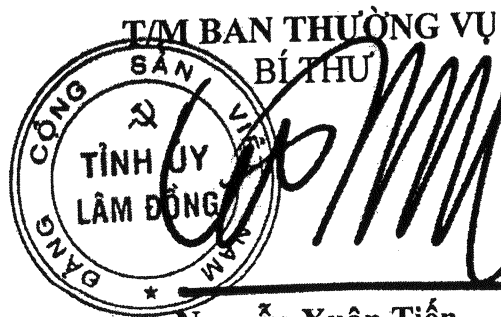
3. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các đoàn thể chính trị - xã hội xây dựng chương trình, kế hoạch giám sát việc thực hiện Kế hoạch của Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

4. Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy chủ trì, phối hợp với các cơ quan thông tin đại chúng tổ chức hướng dẫn, tuyên truyền sâu rộng nội dung kế hoạch của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, nâng cao nhận thức, ý thức trách nhiệm của cả hệ thống chính trị và nhân dân đối với chính sách phát triển năng lượng.

5. Ban Cán sự Đảng ủy UBND tỉnh chủ trì, phối hợp Văn phòng Tỉnh ủy và các cơ quan liên quan theo dõi, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Kế hoạch này, định kỳ tổng hợp, tham mưu Ban Thường trực Tỉnh ủy sơ kết, tổng kết việc thực hiện theo quy định. VL

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng,
- Văn phòng Trung ương,
- Thường trực HĐND tỉnh, UBND Tỉnh,
- Các đảng đoàn, Ban cán sự đảng, các Sở, ban, ngành, MTTQ, đoàn thể tỉnh,
- Các huyện ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc tỉnh ủy,
- Các đồng chí Tỉnh ủy viên,
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy.



Nguyễn Xuân Tiến